

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-PT

Ngày 28/3/2023

"*V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Võ Thị Mỹ Dung**

Các Thẩm phán: **Bà Phạm Thị Hồng Hà**

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2022/DSST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2023/QĐPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Viết S**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực H, phường B, quận R, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Ngô Hoài Th**, sinh năm 1991 (có mặt). Địa chỉ: Khu N, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2020).

Bị đơn: Ông **Bùi Văn Tr**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn Tr là: Ông **Bùi Minh Tr1** – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp lý của nhà nước tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Võ Thị Thúy Ng**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

3/ Bà **Nguyễn Thị Th1**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Người làm chứng: Ông **Đổng Thanh S1** (tên thường gọi Tr2), sinh năm 1985 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp K, xã M, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Ông **Bùi Văn Tr** - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Viết S cùng các tài liệu, chứng cứ và lời khai của người đại diện ủy quyền cho nguyên đơn là ông Th trình bày:

Do quen biết nhau từ trước nên ông S cho ông Bùi Văn Tr vay số tiền 150.000.000đ với lãi suất 1%/tháng, hai bên có làm biên nhận ngày 23/5/2018. Ông Tr hứa sẽ trả vốn vào ngày 24/6/2018 nhưng đến hạn ông Tr né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S. Ông Tr cũng không đóng tiền lãi vay kể từ ngày vay là ngày 23/5/2018. Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu ông Tr trả số tiền vay 150.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 23/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Bùi Văn Tr trình bày: Ông Tr thừa nhận ông có ghi họ tên vào biên nhận 150.000.000đ ngày 23/5/2018 nhưng không có ký tên. Ông Tr thừa nhận có vay 150.000.000đ nhưng thỏa thuận vay nợ trực tiếp từ bà Ng, không trực tiếp gặp và nhận tiền từ ông S. Đến thời hạn trả vốn, lãi nhưng do ông Tr không có tiền trả nợ gốc nên ông Tr đề nghị với bà Ng trả lãi 15.000.000đ mỗi tháng. Sau đó ông H chồng bà Ng đến nhà ông Tr đòi nhiều lần nên bà Th 1 vợ ông Tr trả cho ông H số tiền 40.000.000đ trừ vào nợ gốc. Theo yêu cầu khởi kiện của ông S về số tiền vay, ông Tr không có ý kiến gì, còn mức lãi suất ghi trong biên nhận có sửa chữa nên ông không đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của ông S. Ông Tr đồng ý kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Vĩnh Long số 379/KLGD-PC09 ngày 28/7/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà Th1 và ông Tr có tham gia hội do bà Ng làm chủ hội từ năm 2016 đến năm 2018 cụ thể:

1/ Hội mở ngày 10/8/2016 âm lịch (ngày 10/9/2016 dương lịch), loại hội 2.000.000đ có 28 phần, 01 tháng khui 01 lần, bà Th1 và ông Tr tham gia 01 phần,

kêu hốt hội lần thứ 24 ngày 10/8/2018 âm lịch (ngày 19/9/2018 dương lịch) hốt được 52.000.000đ, dây hội đã mãn ngày 10/12/2018 (15/01/2019 dương lịch).

2/ Hội mở ngày 25/7/2017 âm lịch (ngày 15/9/2017 dương lịch), loại hội 2.000.000đ, hội 28 phần, bà Th1 và ông Tr tham gia 02 phần: Phần thứ nhất hốt lần thứ 15 ngày 25/9/2018 âm lịch (02/11/2018 dương lịch), số tiền hốt 47.800.000đ; Phần thứ 2 hốt lần thứ 16 ngày 25/10/2018 âm lịch (ngày 01/12/2018 dương lịch), số tiền hốt hội 48.200.000đ. Dây hội mãn ngày 25/11/2019 âm lịch (20/12/2019 dương lịch). Tổng cộng tiền hốt 02 hội dây 96.0000.000đ.

3/ Hội mở ngày 20/02/2018 âm lịch (ngày 05/4/2018 dương lịch), hội 22 phần, loại hội 5.000.000đ bà Th1, ông Tr tham gia 01 phần, bà Th1, ông Tr hốt hội ngày 20/4/2018 âm lịch (ngày 03/6/2018 dương lịch) được số tiền 62.100.000đ; Hội mãn vào ngày 20/12/2019 âm lịch (ngày 14/01/2020 dương lịch).

Tổng cộng các dây hội trên đã mãn nhưng bà Ng chưa giao tiền. Bà Th1, ông Tr yêu cầu bà Ng, ông H thanh toán tiền hội còn nợ 210.100.000đ, lãi suất 0,83%/tháng là 53.059.410đ, tổng cộng 263.159.410đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thúy Ng trình bày: Bà Ng là người trung gian tạo điều kiện về việc vay tiền giữa ông S và ông Tr. Bà Ng và ông H không nhận tiền trả nợ vay gì từ ông Tr như ông Tr trình bày. Bà Ng thừa nhận bà Th1, ông Tr có tham gia các dây hội do bà làm chủ hội cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội 2.000.000đ, mở ngày 10/8/2016, bà Th1, ông Tr tham gia 01 phần kêu và hốt hội được 52.000.000đ, bà đã giao tiền đầy đủ cho bà Th1, ông Tr, có ký nhận tiền trong sổ hội.

Dây hội thứ hai: Hội 2.000.000đ, mở ngày 25/7/2017, bà Th, ông Tr tham gia 02 phần kêu hốt hội phần thứ nhất được 47.000.000đ, phần thứ hai được 48.000.000đ, bà đã giao tiền đầy đủ cho bà Th1, ông Tr, có ký nhận tiền trong sổ hội.

Dây hội thứ ba: Hội 5.000.000đ mở ngày 20/2/2018, bà Th1, ông Tr tham gia 01 phần kêu hốt hội được 62.000.000đ, bà đã giao tiền đầy đủ cho bà Th1, ông Tr, có ký nhận tiền trong sổ hội.

Bà Ng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Th1, ông Tr do bà đã giao hội đầy đủ cho bà Th1, ông Tr. Bà yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu ông Tr, bà Th1 do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DSST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết S.

Buộc ông Bùi Văn Tr có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Viết S số tiền vốn và lãi suất là 217.230.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 26/12/2022 bị đơn ông Bùi Văn Tr có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở, không đúng sự thật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do ông không vay tiền của ông S, ông Tr yêu cầu giám định chữ ký của ông S trong đơn khởi kiện và giấy ủy quyền ngày 13/5/2020 do ông cho rằng việc khởi kiện không phải ý chí của ông S và yêu cầu ngừng phiên tòa triệu tập bà Ng để chứng minh ông không vay tiền của ông S.

- Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và không đồng ý kháng cáo của bị đơn, lý do việc xác lập quan hệ hợp đồng vay là ý thức tự nguyện của các bên thể hiện chữ viết của ông Tr trong biên nhận theo kết luận giám định, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tr phát biểu: Ông Tr không quen biết ông S, ông Tr không trực tiếp viết biên nhận vay mà do bà Ng nhờ người khác viết. Ông S không chứng minh được có quen biết với ông Tr, hai bên cũng không gặp nhau nên cho rằng ông Tr vay tiền của ông S là không đúng. Ngoài ra, biên nhận sai về hình thức và nội dung không thể hiện các bên có giao nhận tiền. Căn cứ Điều 123, 131, 133 và khoản 1 Điều 407 Bộ luật Dân sự, hợp đồng vay ngày 23/5/2018 vô hiệu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Tr; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DSST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Về án phí phúc thẩm: Miễn do ông Tr thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị Thúy Ng và ông Đồng Thanh S1 (tên gọi khác là Tr2) được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng và ông S1 theo quy định Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét ông Bùi Văn Tr kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ, bởi lẽ tuy ông Tr không thừa nhận đã vay tiền của ông S, không thừa nhận chữ viết ở phần nội dung biên nhận và chữ ký là do ông Tr viết nhưng thừa nhận chữ viết "Bùi Văn Tr" được viết dưới chữ ký do ông Tr viết và tại Kết luận giám định số 379/KLGD-PC09 ngày 28/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long (BL 85-86) đã xác định:

1/ Chữ ký mang tên Bùi Văn Tr trên "Giấy mượn nợ (tiền) ngày 23/5/2018 không đồng dạng với chữ ký mang tên Bùi Văn Tr trên các tài liệu mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận.

2/ Chữ viết họ và tên "Bùi Văn Tr" dưới mục "Người viết giấy" trên "Giấy mượn nợ ngày 23/5/2018 so với chữ viết họ và tên "Bùi Văn Tr" trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Xét trên cơ sở kết luận giám định và lời thừa nhận của ông Tr xác định họ tên ông Tr trong biên nhận là do ông viết, vì vậy nguyên đơn căn cứ vào biên nhận ngày 23/5/2018 khởi kiện ông Tr yêu cầu trả tiền vay là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tr cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ biên nhận ngày 23/5/2018 xác định ông Tr vay tiền của ông S và buộc ông Tr có nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi cho ông S là có cơ sở.

[3] Xét ông Tr yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Viết S trên Giấy ủy quyền ngày 13/5/2020 và đơn kiện ngày 05/6/2020 để xác định có phải là ý chí ông S khởi kiện không. Tuy nhiên, theo giấy ủy quyền (BL 03) ông S

ủy quyền cho anh Th được Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Ôn chứng thực ngày 13/5/2020, căn cứ Điều 3 Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định: "3. *Chữ ký được chứng thực theo quy định tại Nghị định này có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản; 4. Hợp đồng, giao dịch được chứng thực theo quy định của Nghị định này có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch*". Do đó, chữ ký của ông S có giá trị pháp lý chứng minh ý chí tự định đoạt khỏi kiện của ông S và tự nguyện ủy quyền cho anh Th đại diện ông trong vụ kiện nên yêu cầu của ông Tr là không cần thiết và yêu cầu này cũng không có căn cứ chứng minh việc ông Tr phản đối nghĩa vụ đối với ông S về khoản tiền vay trên, vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Tr.

[4] Xét lời khai của bà Ng thể hiện tại hồ sơ vụ án (BL 88, BL 112), bà Ng là trung gian giới thiệu ông Tr vay tiền của ông S, biên nhận vay thể hiện ông Tr vay tiền của ông S, từ khi vay đến khi ông S khởi kiện ông Tr không trả cho bà Ng hay ông S bất kỳ khoản tiền nào, vì vậy ông Tr yêu cầu ngừng phiên tòa yêu cầu triệu tập bà Ng chứng minh ông không vay tiền của ông S là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét ông Tr cho rằng có thanh toán cho bà Ng số tiền vốn vay 40.000.000đ và tiền lãi đóng hai lần mỗi lần 15.000.000đ nhưng ông S và bà Ng không thừa nhận, tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr cũng không giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh đã trả cho ông S số tiền trên nên không có căn cứ Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Tr về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 62/2022/DSST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Tr là người có công với cách mạng và có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, 14 và 15 của Nghị quyết số 326/2016/UNTƯ-VQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn Tr.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2022/DSST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết S. Buộc ông Bùi Văn Tr có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Viết S số tiền vay và tiền lãi là 217.230.000đ (Hai trăm mười bảy triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Buộc ông Bùi Văn Tr phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Viết S số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn Tr được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- **TAND H. Trà Ôn: 01b;**
- **Chi cục THADS H. Trà Ôn: 02b;**
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung